

hành kể từ ngày ban hành thông tư này, không đặt vấn đề tính lại các khoản lãi đã lĩnh trước đây.

Khi gặp hoàn cảnh khó khăn về đời sống hoặc khi đã nghỉ việc, người tiêu chủ cần rút một phần hoặc tất cả số vốn đã góp thì cơ quan chủ quản sẽ trả lại (vốn cố định và luân chuyển) cho người tiêu chủ. Việc rút tiền ra phải theo đúng những quy định của Nhà nước về việc quản lý tiền mặt.

2. Đối với vốn của người được sĩ tư gửi vào Ngân hàng Nhà nước.

Số vốn mà người được sĩ tư trước đây gửi vào Ngân hàng Nhà nước là tài sản thuộc quyền sở hữu của họ. Số vốn này được định lãi là 3,6% (ba phẩy sáu phần trăm) một năm và thi hành kể từ ngày ban hành thông tư này, không đặt vấn đề tính lại các khoản lãi đã lĩnh trước đây. Khi cần thiết, người được sĩ tư được rút vốn gửi ở Ngân hàng Nhà nước theo những quy định hiện hành về quản lý tiền mặt.

Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt-nam, các cơ quan chủ quản và Ủy ban hành chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành.

Hà-nội, ngày 22 tháng 8 năm 1975

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

NGUYỄN DUY TRINH

CÁC BỘ

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT-NAM

CHỈ THỊ số 14-NH/CT ngày 14-7-1975
về việc cho vay dự trữ vật tư hàng hóa và chi phí sản xuất trong định mức vốn lưu động đối với các xí nghiệp sản xuất công nghiệp thuộc khu vực kinh tế quốc doanh.⁽¹⁾

Thi hành quyết định số 54-TTg ngày 19-2-1959 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc

cấp vốn lưu động đối với các xí nghiệp quốc doanh công nghiệp, lâm nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải và bưu điện. Ngân hàng Nhà nước Việt-nam đã ra nghị định số 31-VP/NgĐ ngày 26-2-1959 ban hành biện pháp tạm thời cho vay trong định mức vốn lưu động đối với các xí nghiệp quốc doanh và sau đó có thêm nhiều văn bản bổ sung sửa đổi biện pháp cho vay đó.

Đề thống nhất việc hướng dẫn cho vay, đồng thời hợp lý hóa thêm một bước phương pháp cho vay theo hướng đơn giản, phù hợp với tính chất tham gia, theo phần của tín dụng Ngân hàng vào việc cấu thành vốn lưu động định mức của xí nghiệp, Ngân hàng trung ương ra chỉ thị này nhằm hệ thống hóa có bổ sung về cho vay trong định mức vốn lưu động để thi hành trong các xí nghiệp.

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phù hợp với những nguyên tắc cấp phát vốn lưu động định mức đối với xí nghiệp quốc doanh nêu trong quyết định số 54-TTg ngày 19-2-1959 của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt-nam cho xí nghiệp vay trong định mức vốn lưu động nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu dự trữ vật tư và chi phí sản xuất của xí nghiệp; đồng thời qua công tác cho vay giúp xí nghiệp tiết kiệm và tăng nhanh luân chuyển vốn, thúc đẩy xí nghiệp sử dụng hợp lý vật tư, tăng cường chế độ hạch toán kinh tế, hoàn thành tốt kế hoạch Nhà nước.

2. Những nhu cầu chi trả vật tư và chi phí sản xuất được Ngân hàng Nhà nước cho vay

(1) Trong chỉ thị sẽ ghi tắt:

— Cho vay dự trữ vật tư hàng hóa và chi phí sản xuất trong định mức vốn lưu động là cho vay trong định mức vốn lưu động.

— Xí nghiệp sản xuất công nghiệp thuộc khu vực kinh tế quốc doanh là xí nghiệp.

— Hiện nay chỉ thị này chưa áp dụng đối với xí nghiệp công nghiệp quốc doanh địa phương.

là những nhu cầu đã hoặc đang phát sinh phù hợp với mức độ thực hiện kế hoạch sản xuất của xí nghiệp và trong phạm vi phần vốn tín dụng tham gia theo tỷ lệ vào vốn lưu động định mức của xí nghiệp.

3. Đề được vay trong định mức vốn lưu động xí nghiệp phải có những điều kiện sau đây :

a) Phải là một đơn vị hạch toán kinh tế độc lập (có tư cách pháp nhân ; có kế hoạch sản xuất — kỹ thuật tài vụ được cơ quan có thẩm quyền xét duyệt đúng chế độ ; được ngân sách Nhà nước cấp phát đủ vốn lưu động tự có, có tổ chức kế toán và bảng tổng kết tài sản hoặc bảng cân đối tài khoản riêng ; được phép mở tài khoản thanh toán và vay vốn trong định mức tại Ngân hàng Nhà nước).

b) Sử dụng vốn lưu động hợp lý, không để thiếu hụt, mất mát vốn lưu động một cách có hệ thống.

c) Kinh doanh phải có lãi (trường hợp lỗ phải có kế hoạch lỗ được cấp trên duyệt và bù lỗ đầy đủ theo kế hoạch tháng, hay quý). Nếu lỗ vốn vượt kế hoạch hoặc lỗ không có kế hoạch, xí nghiệp phải quyết toán kịp thời được cấp trên xác nhận và bù lỗ đầy đủ.

d) Bảo đảm kế toán và báo cáo đầy đủ, kịp thời ; gửi đúng hạn đến Ngân hàng Nhà nước các bản tổng kết tài sản, kế hoạch sản xuất — tài chính cũng như các báo cáo thực hiện kế hoạch đó.

4. Đối tượng cho vay trong định mức vốn lưu động là các vật tư và chi phí được định mức vốn lưu động thể hiện ở các yếu tố sau đây :

- Nguyên vật liệu chính,
- Vật liệu phụ,
- Nhiên liệu,
- Bao bì đóng gói,
- Phụ tùng thay thế sửa chữa,
- Vật rẻ tiền mau hỏng,
- Sản phẩm đang chế tạo và bán thành phẩm tự chế,

- Phí tồn đợi phân bổ,
- Thành phẩm,
- Hàng hóa mua ngoài.

II. CÁCH CHO VAY VÀ THU NỢ

5. Ngân hàng Nhà nước cho vay trong định mức vốn lưu động theo tài khoản cho vay đặc biệt.

Xí nghiệp lập và gửi đơn xin vay đến chi điểm Ngân hàng Nhà nước giữ tài khoản tiền gửi thanh toán của mình. Đơn xin vay lập theo mẫu đã ban hành khi vay theo tài khoản cho vay đặc biệt dùng cho suốt thời gian vay vốn trong định mức.

6. Mỗi lần vay, xí nghiệp lập bảng kê chứng từ (xem mẫu ở phụ lục số 1), trong đó nêu rõ đối tượng vay vốn, hướng sử dụng tiền vay.

Từ tài khoản cho vay đặc biệt Ngân hàng cho vay để hoàn lại tiền mua vật tư hàng hóa mà xí nghiệp đã trả trước đây, hoặc để trang trải các chi phí đang thực hiện (trả tiền mua vật tư, trả lương, v.v...)

Hàng quý xí nghiệp không phải lập và gửi ngân hàng kế hoạch vay trong định mức vốn lưu động.

Khi cho vay, Chi điểm Ngân hàng Nhà nước căn cứ thông báo chỉ tiêu cho vay trong định mức vốn lưu động do Ngân hàng Nhà nước trung ương (đối với xí nghiệp trung ương) hoặc Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố (đối với xí nghiệp địa phương) gửi đề khống chế dư nợ trong định mức.

Không hạn chế việc cho vay trong phạm vi tỷ lệ, tham gia vào từng đối tượng, yếu tố vật tư, chi phí, hoặc vào từng giai đoạn. Xí nghiệp có thể vay vượt mức tham gia theo phần của tín dụng ở đối tượng, yếu tố, giai đoạn này mà không vay đủ mức đó — thậm chí không vay — ở đối tượng, yếu tố, giai đoạn khác, miễn là tổng số dư nợ trong định mức của xí nghiệp không vượt quá số vốn tín dụng tham gia theo tỷ lệ vào vốn lưu động định mức của xí nghiệp.

7. Khi xét đề cho vay, nếu thấy vốn của xí nghiệp thể hiện ở số dư tài khoản tiền gửi thanh toán còn nhiều ngân hàng bán với xí nghiệp huy động số vốn đó để dự trữ và chi phí trước đã, còn thiếu sẽ vay ngân hàng.

Trường hợp số dư tài khoản tiền gửi thanh toán còn nhiều nhưng xí nghiệp dành vào những nhu cầu chi trả cần thiết hợp lý sắp tới như đề trả lương, nộp khấu hao và các khoản khác vào ngân hàng, v.v... thì ngân hàng giải quyết cho vay trong định mức theo đề nghị của xí nghiệp.

8. Tùy theo đặc điểm của từng khoản chi trả khi vay vốn, xí nghiệp xuất trình ngân hàng các loại chứng từ khác nhau:

a) Nếu vay trong định mức để hoàn lại tiền đã mua vật tư hàng hóa hoặc để trả giấy tờ đòi tiền về vật tư cho bên bán thì xí nghiệp phải xuất trình chứng từ, hóa đơn mua hàng. Loại chứng từ này có giá trị xin vay trong phạm vi 30 ngày tính từ ngày ghi trên chứng từ đến ngày xin vay.

Cán bộ tín dụng phải chú ý theo dõi đề tránh tình trạng cho vay trùng lặp nhiều lần về một khoản vật tư hàng hóa.

b) Nếu vay trong định mức về sản phẩm dở dang hoặc thành phẩm thì xí nghiệp lập bảng kê chi phí sản xuất theo khoản mức giá thành.

Ngân hàng cho vay chi phí về sản phẩm dở dang theo giá thành công xưởng thực tế. (không vượt quá giá thành kế hoạch); cho vay thành phẩm theo giá thành công xưởng kế hoạch.

c) Nếu vay trong định mức riêng về tiền lương, xí nghiệp nộp ngân hàng bản kê tiền lương đến kỳ phải trả sau khi đã được cán bộ ngân hàng phụ trách việc kiểm soát chỉ tiêu quỹ tiền lương của xí nghiệp chấp thuận.

d) Nếu vay trong định mức bằng tiền mặt để mua nguyên vật liệu từ khu vực cá thể hoặc tổ hợp tác không có tài khoản ở ngân hàng, xí nghiệp lập bảng kế hoạch mua hàng ngắn ngày (không quá 15 ngày) để ngân hàng làm căn cứ cho vay trước rồi kiểm tra sau. Giá cả cho vay là giá được các cấp có thẩm quyền quy định.

9. Tiền vay sử dụng như sau:

a) Nếu vay để trả tiền mua vật tư - hàng hóa cho bên bán thì tiền vay chuyển trả trực tiếp cho bên bán theo từng giấy đòi tiền.

b) Nếu vay để bù đắp lại chi phí đã tiến hành thì tiền vay, sau khi đã trả nợ quá hạn và đến hạn, chuyển sang tài khoản tiền gửi thanh toán của xí nghiệp.

c) Nếu vay để trả lương thì tiền vay chuyển từ tài khoản cho vay đặc biệt sang tài khoản tiền gửi thanh toán để xí nghiệp rút tiền mặt chi lương.

d) Nếu vay để mua nguyên vật liệu từ khu vực cá thể hoặc tổ hợp tác rải rác nhiều lần thì tiền vay chuyển vào tài khoản tiền gửi thanh toán để xí nghiệp rút ra chi dần.

10. Mỗi lần nhận tiền vay trong định mức vốn lưu động xí nghiệp không phải lập kế hoạch và giấy ký hạn nợ.

Việc thu nợ sẽ tiến hành mỗi khi xí nghiệp thu được tiền bán hàng.

11. Đề thu nợ đúng mức, ngân hàng cùng xí nghiệp *tính tỷ lệ thu nợ cố định* trên tiền bán hàng căn cứ giá thành, giá bán hàng hóa tiêu thụ theo kế hoạch năm và tỷ lệ tham gia của tín dụng vào vốn lưu động định mức.

Tiền bán hàng theo giá bán nhân với tỷ lệ thu nợ cố định sẽ là tiền trả nợ vay trong định mức vốn lưu động.

Ví dụ cách tính toán thu nợ xem ở phụ lục số 2.

12. Nếu xí nghiệp đòi tiền bên mua về hàng đã xuất theo hình thức chấp nhận được ngân hàng cho vay giấy tờ thanh toán trên đường đi thì ngân hàng thu nợ trong định mức từ tiền vay về giấy tờ thanh toán trên đường đi.

Chú ý: a) Tiền thu nợ trong định mức tính theo tỷ lệ thu cố định như đã nêu ở điều 11 nếu căn cứ để tính là tiền vay về giấy tờ thanh toán trên đường đi theo giá bán.

b) Thu nợ theo tỷ lệ tham gia của tín dụng ngân hàng nếu căn cứ để tính là tiền vay về giấy tờ thanh toán trên đường đi theo giá thành kế hoạch của thành phẩm.

www.ThuethuatlapLuat.com
0676552
3684 * 3615 684
Tel: 364-3615-3684
LAWSON

13. Đề đơn giản một cách hợp lý việc thu nợ trong định mức khi xí nghiệp thu tiền bán hàng nhiều món trong một ngày, ngân hàng tiến hành thu nợ trong định mức mỗi ngày một lần, căn cứ tổng số tiền thu bán hàng và tiền vay về giấy tờ thanh toán trên đường đi của xí nghiệp trong ngày.

Khi tập hợp tiền bán hàng đề thu nợ cần phân biệt cơ sở tính toán như đã nói ở điều 11 và 12 đề định số tiền trả nợ vay trong định mức được hợp lý.

Vì dụ cách tính toán thu nợ khi có nhiều khoản bán hàng trong một ngày xem ở phụ lục số 3.

14. Trường hợp xí nghiệp phải tiến hành những khoản chi trả khác, hay trả nợ đến hạn và quá hạn vay ngân hàng, nên chỉ thu được một phần nợ trong định mức, thậm chí không thu được nợ trong định mức thì ở những ngày tiếp ngân hàng không truy thu.

15. Ngoài những trường hợp quy định ở điều 14, cán bộ tín dụng phải thường xuyên theo dõi quá trình thu nợ trong định mức nhằm không để xảy ra tình trạng xí nghiệp có đủ tiền mà vẫn không thu đủ nợ vay trong định mức phù hợp với tiền bán hàng của xí nghiệp trong ngày.

III. KIỂM TRA ĐẢM BẢO NỢ VAY TRONG ĐỊNH MỨC VỐN LƯU ĐỘNG

16. Hàng tháng căn cứ số liệu ở bảng tổng kết tài sản của xí nghiệp, ngân hàng tiến hành kiểm tra đảm bảo nợ vay trong định mức vốn lưu động, không chậm quá ngày 15 của tháng sau.

Đối với xí nghiệp được vay cả trên định mức vốn lưu động, việc kiểm tra đảm bảo nợ vay trong định mức được tiến hành sau khi kiểm tra đảm bảo nợ vay trên định mức vốn lưu động và sau khi nhận được bảng tổng kết tài sản của xí nghiệp.

17. Nội dung kiểm tra đảm bảo nợ trong định mức vốn lưu động bao gồm :

a) Tính toán giá trị vật tư hàng hóa theo tổng số các khoản mục định mức có phân ra các

giai đoạn dự trữ, sản xuất, thành phẩm đến cuối tháng trước.

b) Tổng hợp vật tư được tính làm đảm bảo nợ vay trên định mức đã qua kiểm tra, xử lý có phân ra các giai đoạn đến cuối tháng trước.

c) Đối chiếu giá trị vật tư dùng làm đảm bảo nợ với dư nợ vay trong định mức vốn lưu động ; xử lý kết quả kiểm tra đảm bảo nợ.

Cách tính toán kiểm tra đảm bảo nợ vay trong định mức vốn lưu động xem ở phụ lục số 4.

18. Giá trị vật tư phần làm đảm bảo là những vật tư đã trả tiền thực tế có trong kho, trên dây chuyền sản xuất, vật tư đang trên đường đi đã trả tiền, vật tư xuất cho bên mua nhưng không hoặc chưa vay về giấy tờ thanh toán trên đường đi (vẫn còn trong thời hạn quy định của thủ tục thanh toán).

Ngân hàng loại ra khỏi bảo đảm vật tư mất, kém phẩm chất, không tiêu thụ được, không đủ bộ phận, thừa, dự trữ trái với quy định của Nhà nước ; đã được cấp trên (hoặc ngân sách) cấp vốn đặc biệt, khoản nhận ứng trước của khách hàng (nếu có).

Vật tư nhận làm đảm bảo tính theo giá quy định ở điều 8.

19. Việc tính toán cũng như xử lý kết quả kiểm tra đảm bảo nợ vay trong định mức tiến hành theo toàn bộ 3 giai đoạn, không theo từng yếu tố vật tư hoặc từng giai đoạn.

Trong tính toán có phân ra giai đoạn cũng chỉ nhằm mục đích theo dõi biến động vật tư ở các giai đoạn và xác định nguyên nhân thừa, thiếu đảm bảo được chính xác mà thôi.

20. Khi vật tư dùng làm đảm bảo nợ vay trong định mức thấp hơn dư nợ vay trong định mức thì số thiếu đảm bảo nợ vay phải thu hồi từ tài khoản tiền gửi thanh toán của xí nghiệp hoặc chuyển sang nợ quá hạn nếu tài khoản đó không đủ tiền.

21. Khi vật tư dùng làm đảm bảo nợ vay cao hơn dư nợ trong định mức thì số thừa đảm bảo, nếu xí nghiệp đề nghị, ngân hàng sẽ cho vay xem như khoản cho vay mới trong phạm vi

mức dư nợ trong định mức còn lại. Việc cho vay tiến hành phù hợp với những quy định nêu ở các điều 6 và 9.

Chi thị này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 8 năm 1975 và thay thế tất cả những văn bản về cho vay trong định mức vốn lưu động các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh do Ngân hàng Nhà nước Việt-nam ban hành từ trước đến nay.

Hà-nội, ngày 14 tháng 7 năm 1975

K. T. Tổng Giám đốc Ngân hàng
Nhà nước Việt-nam
Phó tổng giám đốc
VŨ DUY HIỆU

ỦY BAN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT NHÀ NƯỚC

**QUYẾT ĐỊNH số 121-KHKT/QĐ ngày
29-4-1975 ban hành danh mục thiết
bị, dụng cụ đo phải qua kiểm định
của Nhà nước.**

CHỨC NHIỆM ỦY BAN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT NHÀ NƯỚC

Căn cứ vào nghị định số 216-CP và nghị định số 217-CP ngày 25-9-1974 của Hội đồng Chính phủ ban hành Điều lệ quản lý đo lường và Điều lệ quản lý đo lường trong các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh ;

Căn cứ vào điều 5 và 6 chương II của Điều lệ quản lý đo lường ;

Theo đề nghị của ông Cục trưởng Cục đo lường Nhà nước trung ương,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. -- Nay ban hành kèm theo quyết định này bản Danh mục thiết bị, dụng cụ đo phải qua kiểm định Nhà nước.

Điều 2. -- Những thiết bị, dụng cụ đo trong bản Danh mục thiết bị, dụng cụ đo phải qua kiểm định Nhà nước nhất thiết phải được cơ quan quản lý đo lường Nhà nước kiểm định theo đúng chu kỳ và được cấp giấy hoặc đóng dấu kiểm định mới được công nhận là thiết bị, dụng cụ đo hợp pháp và được xuất xưởng, mua bán, phân phối, sử dụng.

Điều 3. -- Đơn vị, cá nhân nào xuất xưởng, mua bán, phân phối, sử dụng thiết bị, dụng cụ đo ghi trong bản danh mục này mà không qua kiểm định Nhà nước là vi phạm Điều lệ quản lý đo lường và bị xử lý theo điều 30 của Điều lệ.

Điều 4. -- Các ông Bộ trưởng các Bộ, thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban hành chính các khu, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra các ông phụ trách các cơ quan, xí nghiệp có sản xuất, mua bán, sử dụng thiết bị, dụng cụ đo và các cơ quan quản lý đo lường thực hiện đăng ký và kiểm định thiết bị, dụng cụ đo ghi trong danh mục này theo đúng chu kỳ kiểm định.

Điều 5. -- Ông Cục trưởng Cục đo lường Nhà nước trung ương có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quyết định này.

Điều 6. -- Bản danh mục thiết bị, dụng cụ đo phải qua kiểm định Nhà nước sẽ được điều chỉnh, bổ sung hàng năm cho phù hợp với yêu cầu và trình độ phát triển kinh tế - khoa học - kỹ thuật.

Điều 7. -- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 7 năm 1975 ; các quy định của trung ương hay của các địa phương trước đây trái với quy định này đều bãi bỏ.

Hà-nội, ngày 29 tháng 4 năm 1975

Chức nhiệm Ủy ban Khoa học
và kỹ thuật Nhà nước
TRẦN ĐẠI NGHĨA